TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608033-01 **25/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS01_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Châu Diệu Hiền – Trạm CNTT Trường Long A - Ấp Trường Hòa, Xã Trường Long Tây, Thành phố Cần Thơ

2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín

3. Số lượng mẫu: 1

4. Ngày nhận mẫu: 19/08/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 19/08/2026 - 25/08/2026

6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ

7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608033-01 **25/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.5	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2 - 1.0
5	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
6	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	0	-	TCVN 6185:2015	15
7	Xác định độ pH (Δ)	7.23	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.68	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.08.28 15:30:57+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608034-01 **25/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS02_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Nguyễn Minh Tường – Trạm CNTT Trường Long A - Ấp Trường Hòa, Xã Trường Long Tây, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 19/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 19/08/2026 - 25/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608034-01 **25/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.52	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
5	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
6	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	0	-	TCVN 6185:2015	15
7	Xác định độ pH (Δ)	7.13	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.66	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.08.28 15:31:04+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608035-01 **25/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS03_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Bùi Văn Bình – Trạm CNTT Vị Thanh 1 - Ấp 7B1, Xã Vị Thanh 1, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 19/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 19/08/2026 - 25/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	0.68	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608035-01 **25/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.67	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
5	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
6	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	0	-	TCVN 6185:2015	15
7	Xác định độ pH (Δ)	7.03	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.32	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.08.28 15:31:05+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608036-01 **25/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS04_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Lê Ngọc Hiển – Trạm CNTT Vị Thanh 1 - Ấp 7B1, Xã Vị Thanh 1, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 19/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 19/08/2026 - 25/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608036-01 **25/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.71	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
5	Xác định mùi (Δ)	không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
6	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	0	-	TCVN 6185:2015	15
7	Xác định độ pH (Δ)	6.97	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.27	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.08.28 15:31:07+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608037-01 **25/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS05_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại bể chứa – Trạm CNTT Vị Thanh 2 - Ấp 1, Xã Vị Thanh 1, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 19/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 19/08/2026 - 25/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	0.42	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608037-01 **25/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.84	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
5	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
6	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	0	-	TCVN 6185:2015	15
7	Xác định độ pH (Δ)	7.57	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.47	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	0.002	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.08.28 15:31:08+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608038-01 **25/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS06_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Huỳnh Chí Thùy – Trạm CNTT Vị Thanh 2 - Ấp 1, Xã Vị Thanh 1, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 19/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 19/08/2026 - 25/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608038-01 **25/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.55	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
5	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
6	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	0	-	TCVN 6185:2015	15
7	Xác định độ pH (Δ)	7.66	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.43	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	0.002	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.08.28 15:31:09+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608039-01 **25/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS07_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Hà Thị Bé Tám – Trạm CNTT Vị Thanh 2 - Ấp 1, Xã Vị Thanh 1, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 19/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 19/08/2026 - 25/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608039-01 **25/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.75	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
5	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
6	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	0	-	TCVN 6185:2015	15
7	Xác định độ pH (Δ)	7.58	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.49	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	0.002	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.08.28 15:31:11+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608040-01 **25/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS08_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Lê Tuấn Khanh – Trạm CNTT Vĩnh Tường - Ấp 1, Xã Vĩnh Tường, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 19/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 19/08/2026 - 25/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608040-01 **25/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.56	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
5	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
6	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	0	-	TCVN 6185:2015	15
7	Xác định độ pH (Δ)	6.97	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.69	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.08.28 15:31:12+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608041-01 **25/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS09_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Dương Thị Len – Trạm CNTT Vĩnh Tường - Ấp 1, Xã Vĩnh Tường, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 19/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 19/08/2026 - 25/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608041-01 **25/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.63	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
5	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
6	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	1	-	TCVN 6185:2015	15
7	Xác định độ pH (Δ)	7.00	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.63	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.08.28 15:31:14+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608042-01 **25/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS10_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Lê Hoàng Phong – Trạm CNTT Tân Bình - Ấp Tân Long, Xã Tân Bình, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 19/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 19/08/2026 - 25/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608042-01 **25/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.91	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
5	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
6	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	2	-	TCVN 6185:2015	15
7	Xác định độ pH (Δ)	7.11	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.96	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.08.28 15:31:15+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608043-01 **25/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS11_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Phạm Thành Được – Trạm CNTT Tân Bình - Ấp Tân Long, Xã Tân Bình, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 19/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 19/08/2026 - 25/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Ⓐ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Ⓐ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Ⓐ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Ⓐ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608043-01 **25/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.60	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
5	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
6	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	0	-	TCVN 6185:2015	15
7	Xác định độ pH (Δ)	7.15	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	1.08	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.08.28 15:31:16+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608044-01

26/08/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS12_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại bể chứa - Trạm CNTT Đông Thạnh - Ấp Phước Thạnh, Xã Đông Phước, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 20/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2026 - 26/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608044-01

26/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	0.31	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.72	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
6	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
7	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	0	-	TCVN 6185:2015	15
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.96	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	0.002	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định độ pH (Δ)	7.64	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:00:30+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608045-01

26/08/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS13_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Phạm Thị Loan - Trạm CNTT Đông Thạnh - Ấp Phước Thạnh, Xã Đông Phước, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 20/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2026 - 26/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608045-01

26/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	0.86	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.42	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
6	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
7	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	0	-	TCVN 6185:2015	15
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	1.02	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	0.002	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định độ pH (Δ)	7.74	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:00:37+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608046-01 **26/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS14_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Trần Thị Cẩm Vang - Trạm CNTT Đông Thạnh - Ấp Phước Thạnh, Xã Đông Phước, Thành phố Cần Thơ

2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín

3. Số lượng mẫu: 1

4. Ngày nhận mẫu: 20/08/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2026 - 26/08/2026

6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ

7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	3.5×10^1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	5.4×10^1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .

(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích

(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận

KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

Số: 2608046-01 **26/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (⅄)	0.28	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (⅄)	0.48	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
6	Xác định mùi (⅄)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
7	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (⅄)	0	-	TCVN 6185:2015	15
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (⅄)	1.04	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (⅄)	0.002	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định độ pH (⅄)	7.73	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.30 16:09:47+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(⅄): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2609072-01 **15/09/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS14_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Trần Thị Cẩm Vang - Trạm CNTT Đông Thạnh - Ấp Phước Thạnh, Xã Đông Phước, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng chứa trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 11/09/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 11/09/2026 - 15/09/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT/No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ =1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ =1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1

Quản lý chất lượng **TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ**

Nguyễn Thị Trúc Lam

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN= TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.25 13:26:57+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608047-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS15_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại bể chứa - Trạm CNTT Thạnh Xuân - Ấp Trầu Hôi, Xã Thạnh Xuân, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 20/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2026 - 26/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608047-01

26/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.62	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
6	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
7	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	0	-	TCVN 6185:2015	15
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.97	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định độ pH (Δ)	7.24	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN= TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:05:36+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608048-01 **26/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS16_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Nguyễn Việt Thuấn - Trạm CNTT Thạnh Xuân - Ấp Trầu Hôi, Xã Thạnh Xuân, Thành phố Cần Thơ

2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín

3. Số lượng mẫu: 1

4. Ngày nhận mẫu: 20/08/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2026 - 26/08/2026

6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ

7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	1.0×10^{1}	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	2.3×10^{1}	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (^{Δ})	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .

(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích

(^{Δ}): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận

KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

Số: 2608048-01 **26/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (⅄)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (⅄)	0.38	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
6	Xác định mùi (⅄)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
7	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (⅄)	0	-	TCVN 6185:2015	15
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (⅄)	1.04	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (⅄)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định độ pH (⅄)	7.30	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.30 16:09:53+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(⅄): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2609093-01 **15/09/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS16_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Nguyễn Việt Thuấn - Trạm CNTT Thạnh Xuân - Ấp Trầu Hôi, Xã Thạnh Xuân, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng chứa trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 11/09/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 11/09/2026 - 15/09/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	KPH LOQ =1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	KPH LOQ =1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1

Quản lý chất lượng **TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ**

Nguyễn Thị Trúc Lam

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN= TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.25 13:27:05+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(^{Δ}): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608049-01 **26/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS17_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Huỳnh Thị Nhiên - Trạm CNTT Thạnh Xuân - Ấp Trầu Hôi, Xã Thạnh Xuân, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 20/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2026 - 26/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	1.6×10^1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	6.4×10^1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

Số: 2608049-01 **26/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (⅄)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (⅄)	0.44	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
6	Xác định mùi (⅄)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
7	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (⅄)	0	-	TCVN 6185:2015	15
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (⅄)	0.83	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (⅄)	KPH LOQ = 0.001	µg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định độ pH (⅄)	7.24	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.30 16:09:55+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(⅄): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$ *: Giới hạn phát hiện của phương pháp*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608050-01 **26/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS18_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Huỳnh Thị Diệu Hiền - Trạm CNTT Thạnh Hoà - Ấp Ba, Xã Thạnh Hoà, Thành phố Cần Thơ

2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín

3. Số lượng mẫu: 1

4. Ngày nhận mẫu: 20/08/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2026 - 26/08/2026

6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ

7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	1.8×10^{1}	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	2.1×10^{1}	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (^{Δ})	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .

(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích

(^{Δ}): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận

KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

Số: 2608050-01 **26/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (⅄)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (⅄)	0.32	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
6	Xác định mùi (⅄)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
7	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (⅄)	0	-	TCVN 6185:2015	15
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (⅄)	0.84	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (⅄)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định độ pH (⅄)	7.10	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.30 16:09:56+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(⅄): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2609073-01 **15/09/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS18_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Huỳnh Thị Diệu Hiền - Trạm CNTT Thạnh Hoà - Ấp Ba, Xã Thạnh Hoà, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng chứa trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 11/09/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 11/09/2026 - 15/09/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT/No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp ([4])	KPH LOQ =1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp ([4])	KPH LOQ =1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN= TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.25 13:27:04+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
([4]): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608051-01

26/08/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS19_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Trần Thị Lê - Trạm CNTT Thạnh Hoà - Ấp Bốn, Xã Thạnh Hoà, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 20/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2026 - 26/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608051-01

26/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.28	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
6	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
7	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	0	-	TCVN 6185:2015	15
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.83	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định độ pH (Δ)	7.05	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:00:40+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608052-01

26/08/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS20_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại bể chứa - Trạm CNTT Long Thạnh - Ấp Trường Khánh, Xã Thạnh Hoà, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 20/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2026 - 26/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608051-01

26/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.28	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
6	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
7	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	0	-	TCVN 6185:2015	15
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.83	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định độ pH (Δ)	7.05	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:00:40+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608053-01

26/08/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS21_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Lưu Khánh Hội - Trạm CNTT Long Thạnh - Ấp Long Hoà B, Xã Thạnh Hoà, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 20/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2026 - 26/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608053-01

26/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	0.94	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.53	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
6	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
7	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	5	-	TCVN 6185:2015	15
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	1.49	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	0.002	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định độ pH (Δ)	7.65	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:00:43+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608054-01

26/08/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS22_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Trần Nam Ninh - Trạm CNTT Long Thạnh - Ấp Long Trường 1, Xã Thạnh Hoà, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 20/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2026 - 26/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608054-01

26/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	0.90	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.42	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
6	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
7	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	3	-	TCVN 6185:2015	15
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	1.53	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	0.002	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định độ pH (Δ)	7.67	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:00:45+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608055-01 **26/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS23_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại bể chứa - Trạm CNTT Đông Phước A - Ấp Long Lợi, Xã Đông Phước, Thành phố Cần Thơ

2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín

3. Số lượng mẫu: 1

4. Ngày nhận mẫu: 20/08/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2026 - 26/08/2026

6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ

7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (^{Δ})	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .

(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích

(^{Δ}): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận

KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

Số: 2608055-01 **26/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (⅄)	1.25	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (⅄)	0.82	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
6	Xác định mùi (⅄)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
7	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (⅄)	3	-	TCVN 6185:2015	15
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (⅄)	1.11	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (⅄)	0.002	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định độ pH (⅄)	7.36	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.30 16:09:57+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(⅄): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2609108-01 **15/09/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS23_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại bể chứa - Trạm CNTT Đông Phước A - Ấp Long Lợi, Xã Đông Phước, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng chứa trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 11/09/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 11/09/2026 - 15/09/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT/No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (⁴)	KPH LOQ =0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN= TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.25 13:28:48+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(⁴): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608056-01 **26/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS24_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Nguyễn Văn Phụng B - Trạm CNTT Đông Phước A - Ấp Long Lợi, Xã Đông Phước, Thành phố Cần Thơ

2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín

3. Số lượng mẫu: 1

4. Ngày nhận mẫu: 20/08/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2026 - 26/08/2026

6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ

7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .

(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích

(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận

KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

Số: 2608056-01 **26/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (⅄)	1.45	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (⅄)	0.64	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
6	Xác định mùi (⅄)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
7	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (⅄)	4	-	TCVN 6185:2015	15
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (⅄)	0.98	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (⅄)	0.002	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định độ pH (⅄)	7.39	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.30 16:09:59+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(⅄): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2609109-01 **15/09/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS24_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Nguyễn Văn Phụng - Trạm CNTT Đông Phước A - Ấp Long Lợi, Xã Đông Phước, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng chứa trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 11/09/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 11/09/2026 - 15/09/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT/No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ =0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN= TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.25 13:28:49+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608057-01 **26/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS25_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Nguyễn Văn Tạo - Trạm CNTT Đông Phước A - Ấp Long Lợi, Xã Đông Phước, Thành phố Cần Thơ

2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín

3. Số lượng mẫu: 1

4. Ngày nhận mẫu: 20/08/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2026 - 26/08/2026

6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ

7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .

(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích

(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận

KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

Số: 2608057-01 **26/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (⅄)	1.65	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (⅄)	0.50	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
6	Xác định mùi (⅄)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
7	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (⅄)	4	-	TCVN 6185:2015	15
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (⅄)	0.99	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (⅄)	0.002	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định độ pH (⅄)	7.36	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.30 16:10:00+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(⅄): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2609110-01 **15/09/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS25_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Nguyễn Văn Tạo - Trạm CNTT Đông Phước A - Ấp Long Lợi, Xã Đông Phước, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng chứa trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 11/09/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 11/09/2026 - 15/09/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT/No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (⁴)	KPH LOQ =0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN= TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.25 13:28:50+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(⁴): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608058-01

26/08/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS26_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Nguyễn Thị Hương - Trạm CNTT Đông Phước - Ấp Đông Lợi, Xã Phú Hữu, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 20/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2026 - 26/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-l:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-l:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608058-01

26/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	0.32	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.89	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
6	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
7	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	0	-	TCVN 6185:2015	15
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.59	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định độ pH (Δ)	7.33	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:00:47+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608059-01

26/08/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS27_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Nguyễn Thị Thanh Phương - Trạm CNTT Đông Phước - Ấp Đông Lợi, Xã Phú Hữu, Thành phố Cần Thơ

2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín

3. Số lượng mẫu: 1

4. Ngày nhận mẫu: 20/08/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2026 - 26/08/2026

6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ

7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608059-01

26/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.75	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
6	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
7	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	5	-	TCVN 6185:2015	15
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.55	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định độ pH (Δ)	7.31	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:00:48+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608060-01 **26/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS28_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại bể chứa - Trạm CNTT Phụng Hiệp - Ấp Mỹ Thuận, Xã Phụng Hiệp, Thành phố Cần Thơ

2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín

3. Số lượng mẫu: 1

4. Ngày nhận mẫu: 20/08/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2026 - 26/08/2026

6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ

7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Ⱥ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Ⱥ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Ⱥ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .

(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích

(Ⱥ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận

KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

Số: 2608060-01 **26/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (⅄)	1.06	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (⅄)	0.75	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
6	Xác định mùi (⅄)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
7	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (⅄)	6	-	TCVN 6185:2015	15
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (⅄)	1.11	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (⅄)	0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định độ pH (⅄)	7.55	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.30 16:10:02+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(⅄): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2609106-01 **15/09/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS28_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại bể chứa - Trạm CNTT Phụng Hiệp - Ấp Mỹ Thuận, Xã Phụng Hiệp, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng chứa trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 11/09/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 11/09/2026 - 15/09/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT/No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ =0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN= TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.25 13:28:45+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608061-01 **26/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS29_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Bùi Hoàng Sơn - Trạm CNTT Phụng Hiệp - Ấp Mỹ Thuận, Xã Phụng Hiệp, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 20/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2026 - 26/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Ⱥ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Ⱥ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Ⱥ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Ⱥ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

Số: 2608061-01 **26/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (⅄)	2.14	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (⅄)	0.56	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
6	Xác định mùi (⅄)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
7	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (⅄)	6	-	TCVN 6185:2015	15
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (⅄)	1.03	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (⅄)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định độ pH (⅄)	7.64	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.30 16:10:03+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(⅄): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2609107-01 **15/09/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS29_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Bùi Hoàng Sơn - Trạm CNTT Phụng Hiệp - Ấp Mỹ Thuận, Xã Phụng Hiệp, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng chứa trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 11/09/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 11/09/2026 - 15/09/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT/No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS ([Δ])	KPH LOQ =0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN= TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.25 13:28:47+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
([Δ]): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608062-01

26/08/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS30_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Lê Hoàng Vinh - Trạm CNTT Phụng Hiệp - Ấp Mỹ Thuận, Xã Phụng Hiệp, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 20/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2026 - 26/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608062-01

26/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	0.58	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.61	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
6	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
7	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	6	-	TCVN 6185:2015	15
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	1.04	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định độ pH (Δ)	7.59	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:00:49+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608063-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS31_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Lê Văn Sử - Trạm CNTT Hoà Mỹ - Ấp Mỹ Thành, Xã Phụng Hiệp, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 20/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2026 - 26/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608063-01

26/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.81	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
6	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
7	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	6	-	TCVN 6185:2015	15
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	1.24	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định độ pH (Δ)	7.21	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:00:51+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608064-01

26/08/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS32_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Lý Thanh Hùng - Trạm CNTT Hoà Mỹ - Ấp Mỹ Thành, Xã Phụng Hiệp, Thành phố Cần Thơ

2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín

3. Số lượng mẫu: 1

4. Ngày nhận mẫu: 20/08/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2026 - 26/08/2026

6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ

7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608064-01

26/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.74	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
6	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
7	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	6	-	TCVN 6185:2015	15
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	1.21	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định độ pH (Δ)	7.15	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:00:53+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608065-01

26/08/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS33_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại bể chứa - Trạm CNTT Phương Phú - Ấp Phương Bình, Xã Phương Bình, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 20/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2026 - 26/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608065-01

26/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.52	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
6	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
7	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	2	-	TCVN 6185:2015	15
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.38	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định độ pH (Δ)	7.06	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:00:54+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608066-01

26/08/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS34_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Trì Văn Được - Trạm CNTT Phương Phú - Ấp Phương Thạnh, Xã Phương Bình, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 20/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2026 - 26/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608066-01

26/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	0.21	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.33	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
6	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
7	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	2	-	TCVN 6185:2015	15
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.32	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định độ pH (Δ)	7.16	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:00:56+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608067-01 **26/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS35_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Trần Văn Huyện - Trạm CNTT Phương Phú - Ấp Phương An A, Xã Phương Bình, Thành phố Cần Thơ

2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín

3. Số lượng mẫu: 1

4. Ngày nhận mẫu: 20/08/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2026 - 26/08/2026

6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ

7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	1.2×10^{1}	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (^{Δ})	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .

(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích

(^{Δ}): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận

KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608067-01 **26/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (⅄)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (⅄)	0.43	None	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
6	Xác định mùi (⅄)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
7	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (⅄)	2	-	TCVN 6185:2015	15
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (⅄)	0.33	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (⅄)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định độ pH (⅄)	7.12	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.30 16:10:04+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(⅄): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2609103-01 **15/09/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS35_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Trần Văn Huyện - Trạm CNTT Phương Phú - Ấp Phương An A, Xã Phương Bình, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng chứa trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 11/09/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 11/09/2026 - 15/09/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT/No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ =1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN= TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.25 13:28:41+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608068-01 **26/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS36_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại bể chứa - Trạm CNTT Tân Phước Hưng - Ấp Phó Đường, Xã Tân Phước Hưng, Thành phố Cần Thơ

2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín

3. Số lượng mẫu: 1

4. Ngày nhận mẫu: 20/08/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2026 - 26/08/2026

6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ

7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (^{Δ})	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .

(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích

(^{Δ}): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận

KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

Số: 2608068-01 **26/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	2.78	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.36	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
6	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
7	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	3	-	TCVN 6185:2015	15
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	1.19	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định độ pH (Δ)	7.72	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.30 16:10:06+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2609114-01 **15/09/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS36_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại bể chứa - Trạm CNTT Tân Phước Hưng - Ấp Phó Đường, Xã Tân Phước Hưng, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng chứa trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 11/09/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 11/09/2026 - 15/09/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT/No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS ($^{\Delta}$)	KPH LOQ =0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN= TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.25 13:28:56+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
($^{\Delta}$): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

Số: 2608069-01 **26/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS37_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Nguyễn Văn Hôn - Trạm CNTT Tân Phước Hưng - Ấp Phó Đường, Xã Tân Phước Hưng, Thành phố Cần Thơ

2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín

3. Số lượng mẫu: 1

4. Ngày nhận mẫu: 20/08/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2026 - 26/08/2026

6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ

7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (^{Δ})	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .

(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích

(^{Δ}): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận

KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

Số: 2608069-01 **26/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	2.90	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.62	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
6	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
7	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	3	-	TCVN 6185:2015	15
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	1.19	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định độ pH (Δ)	7.76	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.30 16:10:07+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2609115-01 **15/09/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS37_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Nguyễn Văn Hôn - Trạm CNTT Tân Phước Hưng - Ấp Phó Đường, Xã Tân Phước Hưng, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng chứa trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 11/09/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 11/09/2026 - 15/09/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT/No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (^{A})	KPH LOQ =0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN= TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.25 13:28:57+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(^{A}): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608070-01 **26/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS38_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Lê Văn Điền - Trạm CNTT Tân Phước Hưng - Ấp Mỹ Phú, Xã Tân Phước Hưng, Thành phố Cần Thơ

2. Mô tả mẫu: Mẫu nước đựng trong chai nhựa đậy kín

3. Số lượng mẫu: 1

4. Ngày nhận mẫu: 20/08/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2026 - 26/08/2026

6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ

7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-l:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-l:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (^{Δ})	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(^{Δ}): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

Số: 2608070-01 **26/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (⅄)	2.39	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (⅄)	0.42	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
6	Xác định mùi (⅄)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
7	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (⅄)	4	-	TCVN 6185:2015	15
8	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (⅄)	1.23	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2
9	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (⅄)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
10	Xác định độ pH (⅄)	7.68	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.30 16:10:09+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(⅄): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2609116-01 **15/09/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS38_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Lê Văn Điền - Trạm CNTT Tân Phước Hưng - Ấp Mỹ Phú, Xã Tân Phước Hưng, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng chứa trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 11/09/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 11/09/2026 - 15/09/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT/No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS ($^{\Delta}$)	KPH LOQ =0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN= TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.25 13:28:59+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
($^{\Delta}$): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608073-01 **27/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS39_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại bể chứa – Trạm CNTT Nhơn Nghĩa A - Ấp Nhơn Phú, Xã Tân Hòa, Thành phố Cần Thơ

2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín

3. Số lượng mẫu: 1

4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026

6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ

7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608073-01 **27/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (⅄)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (⅄)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (⅄)	0.83	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (⅄)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (⅄)	0	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (⅄)	7.54	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (⅄)	0.37	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.30 16:10:10+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(⅄): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608074-01

27/08/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS40_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Đỗ Thành Tâm – Trạm CNTT Nhơn Nghĩa A - Ấp Nhơn Phú, Xã Tân Hòa, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608074-01

27/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.78	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	1	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (Δ)	7.44	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.49	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:00:57+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608075-01

27/08/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS41_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Đỗ Hoàng Thông – Trạm CNTT Nhơn Nghĩa A - Ấp Nhơn Phú, Xã Tân Hòa, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608075-01

27/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.55	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	1	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (Δ)	7.40	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.45	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:00:59+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608076-01 **27/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS42_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại bể chứa – Trạm CNTT Hỏa Tiến - Ấp Thạnh Thắng, Xã Hỏa Lựu, Thành phố Cần Thơ

2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín

3. Số lượng mẫu: 1

4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026

6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ

7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	1.9×10^{1}	CFU/100 mL	TCVN 6187-l:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	2.2×10^{1}	CFU/100 mL	TCVN 6187-l:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (^{Δ})	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .

(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích

(^{Δ}): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận

KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608076-01 **27/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (⅄)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (⅄)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (⅄)	0.95	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (⅄)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (⅄)	1	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (⅄)	7.06	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (⅄)	0.47	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.30 16:10:11+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(⅄): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2609095-01

15/09/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS42_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại bể chứa – Trạm CNTT Hỏa Tiến - Ấp Thạnh Thắng, Xã Hỏa Lựu, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng chứa trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 11/09/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 11/09/2026 - 15/09/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT/No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ =1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ =1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN= TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.25 13:27:06+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608077-01 **27/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS43_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Nguyễn Văn Thích – Trạm CNTT Hỏa Tiến - Ấp Thạnh Thắng, Xã Hỏa Lựu, Thành phố Cần Thơ

2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín

3. Số lượng mẫu: 1

4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026

6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ

7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	1.0×10^{1}	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	1.2×10^{2}	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (^{Δ})	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .

(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích

(^{Δ}): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận

KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608077-01 **27/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (⅄)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (⅄)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (⅄)	0.66	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (⅄)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (⅄)	2	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (⅄)	6.94	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (⅄)	0.28	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.30 16:10:13+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(⅄): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2609096-01 **15/09/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS43_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Nguyễn Văn Thích – Trạm CNTT Hỏa Tiến - Ấp Thạnh Thắng, Xã Hỏa Lựu, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng chứa trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 11/09/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 11/09/2026 - 15/09/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT/No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ =1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ =1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN= TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.25 13:27:07+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608078-01 **27/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS44_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Lưu Văn Mừng – Trạm CNTT Hỏa Tiến - Ấp Thạnh Thắng, Xã Hỏa Lựu, Thành phố Cần Thơ

2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín

3. Số lượng mẫu: 1

4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026

6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ

7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	1.9×10^{1}	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	5.4×10^{1}	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (^{Δ})	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .

(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích

(^{Δ}): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận

KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

Số: 2608078-01 **27/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (⅄)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (⅄)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (⅄)	0.76	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (⅄)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (⅄)	2	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (⅄)	9.96	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (⅄)	0.32	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.30 16:10:14+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(⅄): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2609097-01 **15/09/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS44_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Lưu Văn Mừng – Trạm CNTT Hỏa Tiến - Ấp Thạnh Thắng, Xã Hỏa Lựu, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng chứa trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 11/09/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 11/09/2026 - 15/09/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT/No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp ([4])	KPH LOQ =1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp ([4])	KPH LOQ =1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN= TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.25 13:27:08+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
([4]): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608079-01

27/08/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS45_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại bể chứa – NMN Long Mỹ - Ấp 3, Xã Vĩnh Viễn, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608079-01

27/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.61	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	2	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (Δ)	7.01	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.26	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:01:00+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608080-01 **27/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS46_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Nguyễn Thị Phương Ba – NMN Long Mỹ - Ấp 3, Xã Vĩnh Viễn, Thành phố Cần Thơ

2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín

3. Số lượng mẫu: 1

4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026

6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ

7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	1.7×10^{1}	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	2.0×10^{1}	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (^{Δ})	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .

(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích

(^{Δ}): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận

KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

Số: 2608080-01 **27/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (⅄)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (⅄)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (⅄)	0.94	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (⅄)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (⅄)	1	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (⅄)	7.26	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (⅄)	0.90	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.30 16:10:16+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(⅄): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2609098-01 **15/09/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS46_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Nguyễn Thị Phương Ba – NMN Long Mỹ - Ấp 3, Xã Vĩnh Viễn, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng chứa trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 11/09/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 11/09/2026 - 15/09/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT/No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ =1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ =1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN= TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.25 13:27:09+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608081-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS47_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Lê Mỹ Tuấn – NMN Long Mỹ - Ấp 3, Xã Vĩnh Viễn, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608081-01

27/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.45	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	3	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (Δ)	6.96	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.83	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:01:02+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608082-01 **27/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS48_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại bể chứa – Trạm CNTT Thuận Hưng - Ấp Thuận Hưng, Xã Xà Phiên, Thành phố Cần Thơ

2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín

3. Số lượng mẫu: 1

4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026

6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ

7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .

(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích

(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận

KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608082-01 **27/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (⅄)	1.93	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (⅄)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (⅄)	0.66	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (⅄)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (⅄)	1	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (⅄)	7.85	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (⅄)	0.66	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.30 16:10:17+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(⅄): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2609104-01

15/09/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS48_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại bể chứa – Trạm CNTT Thuận Hưng - Ấp Thuận Hưng, Xã Xà Phiên, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng chứa trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 11/09/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 11/09/2026 - 15/09/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT/No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS ([Δ])	KPH LOQ =0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN= TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.25 13:28:43+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
([Δ]): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608083-01 **27/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS49_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Trần Văn Nhuận – Trạm CNTT Thuận Hưng - Ấp Thuận Hưng, Xã Xà Phiên, Thành phố Cần Thơ

2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín

3. Số lượng mẫu: 1

4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026

6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ

7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (^{Δ})	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .

(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích

(^{Δ}): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận

KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608083-01 **27/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	1.01	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.49	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	2	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (Δ)	7.77	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.62	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.30 16:10:19+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2609105-01 **15/09/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS49_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Trần Văn Nhuận – Trạm CNTT Thuận Hưng - Ấp Thuận Hưng, Xã Xà Phiên, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng chứa trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 11/09/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 11/09/2026 - 15/09/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT/No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ =0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN= TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.25 13:28:44+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608084-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS50_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Trương Thị Tuyết Minh – Trạm CNTT Thuận Hưng - Ấp Thuận Hưng, Xã Xà Phiên, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608084-01

27/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	0.87	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.52	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	2	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (Δ)	7.68	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.70	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:01:04+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608085-01

27/08/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS51_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại bể chứa – Trạm CNTT Vị Thắng - Ấp 7, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ

2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín

3. Số lượng mẫu: 1

4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026

6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ

7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608085-01

27/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.96	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	2	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (Δ)	8.01	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.62	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:01:05+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608086-01

27/08/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS52_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Nguyễn Văn Rằng – Trạm CNTT Vị Thắng - Ấp 8, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608086-01

27/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.53	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	3	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (Δ)	7.91	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	1.90	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:01:07+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608087-01

27/08/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS53_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Trình Văn Út – Trạm CNTT Vị Thắng - Ấp 8, Xã Vĩnh Thuận Đông, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608087-01

27/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.66	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	3	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (Δ)	8.04	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	1.63	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:01:08+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608088-01

27/08/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS54_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại bể chứa – Trạm CNTT Vị Thủy - Ấp 11, Xã Vĩnh Thuận Đông, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Ⓐ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Ⓐ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Ⓐ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Ⓐ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608088-01

27/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.83	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	5	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (Δ)	6.98	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	1.57	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:01:10+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

Số: 2608089-01 **27/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS55_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Huỳnh Văn Đức – Trạm CNTT Vị Thủy - Ấp 11, Xã Vĩnh Thuận Đông, Thành phố Cần Thơ

2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín

3. Số lượng mẫu: 1

4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026

6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ

7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	8.1×10^{1}	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (^{Δ})	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .

(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích

(^{Δ}): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận

KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608089-01 **27/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (⅄)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (⅄)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (⅄)	0.68	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (⅄)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (⅄)	6	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (⅄)	7.20	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (⅄)	3.52	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.30 16:10:20+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(⅄): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2609101-01 **17/09/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS55_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Huỳnh Văn Đức – Trạm CNTT Vị Thủy - Ấp 11, Xã Vĩnh Thuận Đông, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng chứa trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 11/09/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 11/09/2026 - 17/09/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT/No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ =1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.12	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN= TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.25 13:28:39+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608090-01 **27/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS56_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Nguyễn Văn Sơn – Trạm CNTT Vị Thủy - Ấp 10, Xã Vĩnh Thuận Đông, Thành phố Cần Thơ

2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín

3. Số lượng mẫu: 1

4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026

6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ

7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .

(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích

(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận

KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

Số: 2608090-01 **27/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (⅄)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (⅄)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (⅄)	0.56	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (⅄)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (⅄)	4	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (⅄)	7.00	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (⅄)	3.47	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.30 16:10:22+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(⅄): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2609102-01 **17/09/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS56_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Nguyễn Văn Sơn – Trạm CNTT Vị Thủy - Ấp 10, Xã Vĩnh Thuận Đông, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng chứa trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 11/09/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 11/09/2026 - 17/09/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT/No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (^{Δ})	0.17	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng **TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ**

Nguyễn Thị Trúc Lam

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN= TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.25 13:28:40+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(^{Δ}): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608091-01

27/08/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS57_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại bể chứa – Nhà máy nước Nàng Mau - Ấp 1, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Ⓐ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Ⓐ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Ⓐ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Ⓐ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608091-01

27/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.65	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	7	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (Δ)	6.75	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	1.32	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:01:11+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608092-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS58_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Nguyễn Thị Mỹ Linh – Nhà máy nước Nàng Mau - Ấp 1, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608092-01

27/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.51	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	8	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (Δ)	6.77	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.89	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN= TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:05:42+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608093-01

27/08/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS59_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Nguyễn Văn Dũng – Nhà máy nước Nàng Mau - Ấp 1, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608093-01

27/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.54	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	8	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (Δ)	6.67	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	1.09	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:01:14+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608094-01

27/08/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS60_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại bể chứa – Trạm CNTT Long Bình – KV Bình Tân, Phường Long Bình, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608094-01

27/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.92	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	9	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (Δ)	7.10	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.79	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN= TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:05:43+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608095-01

27/08/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS61_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Trần Văn Trọng – Trạm CNTT Long Bình – KV Bình Tân, Phường Long Bình, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608095-01

27/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.52	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	11	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (Δ)	7.05	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.74	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:01:17+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608096-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS62_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Phạm Văn Giang – Trạm CNTT Long Bình – KV Bình Tân, Phường Long Bình, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2608096-01

27/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.47	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	5	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (Δ)	7.09	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.69	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:01:19+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608097-01 **27/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS63_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Nguyễn Út Minh – Trạm CNTT Long Trị A – KV 6, Phường Long Mỹ, Thành phố Cần Thơ

2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín

3. Số lượng mẫu: 1

4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026

6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ

7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	1.3×10^{1}	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	1.5×10^{1}	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (^{Δ})	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .

(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích

(^{Δ}): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận

KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608097-01 **27/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (⅄)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (⅄)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (⅄)	0.63	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (⅄)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (⅄)	4	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (⅄)	7.28	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (⅄)	0.44	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.30 16:10:23+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(⅄): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2609100-01 **15/09/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS63_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Nguyễn Út Minh – Trạm CNTT Long Trị A – KV 6, Phường Long Mỹ, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng chứa trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 11/09/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 11/09/2026 - 15/09/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT/No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (^{4})	KPH LOQ =0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN= TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.25 13:28:34+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(^{4}): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608098-01

27/08/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS64_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Phan Thanh Hùng – Trạm CNTT Long Trị A – KV 6, Phường Long Mỹ, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608098-01

27/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.73	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	3	Pt-Co	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (Δ)	7.14	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.68	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:01:20+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608099-01

27/08/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS65_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại bể chứa – Trạm CNTT Phương Bình – Ấp Phương Quới A, Xã Phương Bình, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608099-01

27/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.57	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	4	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (Δ)	6.94	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.50	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:01:21+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

Số: 2608100-01 **27/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS66_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Nguyễn Phát Đạt – Trạm CNTT Phương Bình – Ấp Phương Quới A, Xã Phương Bình, Thành phố Cần Thơ

2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín

3. Số lượng mẫu: 1

4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026

6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ

7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608100-01 **27/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (⅄)	2.13	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (⅄)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (⅄)	0.39	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (⅄)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (⅄)	6	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (⅄)	7.10	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (⅄)	0.56	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.30 16:10:25+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(⅄): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2609117-01 **15/09/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS66_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Nguyễn Phát Đạt – Trạm CNTT Phương Bình – Ấp Phương Quới A, Xã Phương Bình, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng chứa trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 11/09/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 11/09/2026 - 15/09/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT/No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ =0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN= TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.25 13:29:00+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608101-01

27/08/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS67_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Huỳnh Phong Nhã – Trạm CNTT Phương Bình – Ấp Phương Lạc, Xã Phương Bình, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608101-01

27/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ = 0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.60	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	7	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (Δ)	7.03	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.78	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:01:23+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608102-01

27/08/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS68_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại bể chứa – Trạm CN Liên xã Hòa An – Hiệp Hưng – Ấp 2, Xã Hòa An, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608102-01

27/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	0.69	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.76	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	8	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (Δ)	7.07	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.82	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:01:24+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608103-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS69_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Lê Hữu Niên – Trạm CN Liên xã Hòa An – Hiệp Hưng – Ấp 2, Xã Hòa An, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Ⱥ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Ⱥ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Ⱥ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Ⱥ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608103-01

27/08/2026

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	0.77	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.64	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	4	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (Δ)	7.24	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.79	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.11 14:01:26+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608104-01 **27/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS70_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Nguyễn Bạch Yến – Trạm CN Liên xã Hòa An – Hiệp Hưng – Ấp Mỹ Chánh, Xã Hiệp Hưng, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608104-01 **27/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (⅄)	1.61	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (⅄)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (⅄)	0.39	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (⅄)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (⅄)	5	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (⅄)	7.45	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (⅄)	0.35	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.30 16:10:26+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(⅄): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2609099-01 **15/09/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS70_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Nguyễn Bạch Yến – Trạm CN Liên xã Hòa An – Hiệp Hưng – Ấp Mỹ Chánh, Xã Hiệp Hưng, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng chứa trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 11/09/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 11/09/2026 - 15/09/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT/No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	KPH LOQ =1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	KPH LOQ =1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN= TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.25 13:27:10+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(^{Δ}): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608105-01 **27/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS71_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại bể chứa – Trạm CNTT Phú Tân – Ấp Phú Tân A, Xã Phú Hữu, Thành phố Cần Thơ

2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín

3. Số lượng mẫu: 1

4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026

6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ

7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (^{Δ})	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .

(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích

(^{Δ}): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận

KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Số: 2608105-01 **27/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (⅄)	3.70	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (⅄)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (⅄)	0.63	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (⅄)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (⅄)	5	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (⅄)	8.03	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (⅄)	0.67	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.30 16:10:27+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(⅄): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2609111-01 **15/09/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS71_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại bể chứa – Trạm CNTT Phú Tân – Ấp Phú Tân A, Xã Phú Hữu, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng chứa trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 11/09/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 11/09/2026 - 15/09/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT/No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (^{4})	KPH LOQ =0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN= TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.25 13:28:52+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(^{4}): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608106-01 **27/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS72_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Trần Văn Giang – Trạm CNTT Phú Tân – Ấp Phú Tân A, Xã Phú Hữu, Thành phố Cần Thơ

2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín

3. Số lượng mẫu: 1

4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026

6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ

7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (Δ)	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (Δ)	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608106-01 **27/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	2.15	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (Δ)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (Δ)	0.61	None	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (Δ)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (Δ)	3	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (Δ)	7.81	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (Δ)	0.55	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.30 16:10:29+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2609112-01 **15/09/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS72_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Trần Văn Giang – Trạm CNTT Phú Tân – Ấp Phú Tân A, Xã Phú Hữu, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng chứa trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 11/09/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 11/09/2026 - 15/09/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT/No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (Δ)	KPH LOQ =0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN= TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.25 13:28:53+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(Δ): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI VALAS 121

Số: 2608107-01 **27/08/2026**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS73_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Võ Long – Trạm CNTT Phú Tân – Ấp Phú Tân A, Xã Phú Hữu, Thành phố Cần Thơ

2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa đậy kín

3. Số lượng mẫu: 1

4. Ngày nhận mẫu: 21/08/2026

5. Thời gian thử nghiệm: 21/08/2026 - 27/08/2026

6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ

7. Kết quả thử nghiệm:

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
2	Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp (^{Δ})	KPH LOQ = 1	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016)	< 1
3	Xác định chỉ số permanganate - Phương pháp chuẩn độ (^{Δ})	KPH LOQ = 1.5	mg/L	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .

(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích

(^{Δ}): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận

KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

Số: 2608107-01 **27/08/2026**

STT /No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
4	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS (⅄)	2.09	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1
5	Xác định hàm lượng As - Phương pháp ICP-MS (⅄)	KPH LOQ = 0.001	mg/L	SMEWW 3125(B):2023	0.01
6	Xác định hàm lượng Clo dư - Phương pháp đo nhanh (⅄)	0.51	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0.2-1.0
7	Xác định mùi (⅄)	Không có mùi lạ	-	SMEWW 2150(B):2023	Không có mùi lạ
8	Xác định độ màu - Phương pháp đo trực tiếp (⅄)	1	-	TCVN 6185:2015	15
9	Xác định độ pH (⅄)	7.97	-	TCVN 6492:2011	6.0 – 8.5
10	Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ (⅄)	0.71	NTU	SMEWW 2130(B):2023	2

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.30 16:10:30+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
(⅄): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ
93 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM
www.iac.huit.edu.vn iac@huit.edu.vn

VACI
VALAS 121

Số: 2609113-01

15/09/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: NS73_NƯỚC SẠCH - Mẫu tại hộ dân: Võ Long – Trạm CNTT Phú Tân – Ấp Phú Tân A, Xã Phú Hữu, Thành phố Cần Thơ
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng chứa trong chai nhựa đậy kín
3. Số lượng mẫu: 1
4. Ngày nhận mẫu: 11/09/2026
5. Thời gian thử nghiệm: 11/09/2026 - 15/09/2026
6. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG - Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ
7. Kết quả thử nghiệm:

STT/No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Kết quả/ Results	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp/ Test method	Ngưỡng cho phép QCVN 01-1:2024/BYT
1	Xác định hàm lượng Amoni - Phương pháp UV-VIS ($^{\Delta}$)	KPH LOQ =0.2	mg/L	SMEWW 4500-NH3(F):2023	1

Quản lý chất lượng

Nguyễn Thị Trúc Lam

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ

DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN= TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUỐC TẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0317960513
Date: 2026.09.25 13:28:55+07'00'

Ghi chú: Các kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến .
(*):Các chỉ tiêu mang tính chất nghiên cứu, tham khảo nội bộ; (**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích
($^{\Delta}$): Các chỉ tiêu được VALAS công nhận
KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; $eLOD_{50}$: Giới hạn phát hiện của phương pháp